

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Lâm, ông Nguyễn Quang Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm ... ;

Nơi cư trú: Số nhà 25/1, Tổ 1, ấp Thọ Lâm 1, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

\* Bị đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 19 ...;

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 09, Tổ 9, ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng từ năm 1997, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Từ giữa năm 2017, các đương sự thường xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 02/2018, bị đơn và các con đến nhà mẹ đẻ của bị đơn ở Tổ 9, ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Thanh cư trú, sinh sống, hai người sống ly thân từ thời điểm này đến ngày hôm nay. Tình cảm giữa các đương sự không còn, không thể tiếp tục sống chung để xây dựng quan hệ hôn nhân của các đương sự.

- Về con: Các đương sự có 03 người con:

Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 19... (con đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân);

Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày ... và Nguyễn Thị K, sinh ngày .... Các con đang cư trú, sinh sống với bị đơn.

- Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, ngày 07/9/2018 nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của các đương sự; các đương sự không có nợ chung.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Ly hôn; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chưa thành niên (nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con).

*\*Tại bản tự khai ngày 24/8/2018, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung của các đương sự là đúng sự thật. Hai người sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Bị đơn và nguyên đơn ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, tình cảm giữa các đương sự không còn.

Bị đơn đồng ý với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa.

*\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-V KSNĐTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn S và bà Phạm Thị Q là vợ chồng; Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày ... và Nguyễn Thị K, sinh ngày ... cho bà Q nuôi dưỡng; ông S không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Ông S phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, để bị đơn nuôi các con chưa thành niên và chia tài sản chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đã chung sống với nhau năm 1997, không đăng ký kết hôn; lời khai của các đương sự phù hợp với Bản xác nhận ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh. Từ giữa năm 2017, các đương sự thường xảy ra mâu thuẫn và từ tháng 02/2018 các đương sự không còn chung sống với nhau. Căn cứ Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-V KSNĐTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án xét xử vụ án, tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa các đương sự không có giá trị pháp lý nên các đương sự không phải là vợ chồng.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chưa thành niên, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về tài sản chung:

Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung;

Các đương sự có quyền khởi kiện để Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác đối với quan hệ tài sản khi có tranh chấp.

- Các đương sự trình bày ý kiến là không có nợ chung, không khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết.

- Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng đã rút yêu cầu khởi kiện;

Tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ còn yêu cầu được ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 9, 14, 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-V KSNĐTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn S và bà Phạm Thị Q là vợ chồng.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày ... và Nguyễn Thị K, sinh ngày ... (bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con); các đương sự vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con, có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn; các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về quan hệ tài sản bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Các đương sự không khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 2.550.000đ (hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 007145 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 2.250.000đ (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Võ Kim Đính**